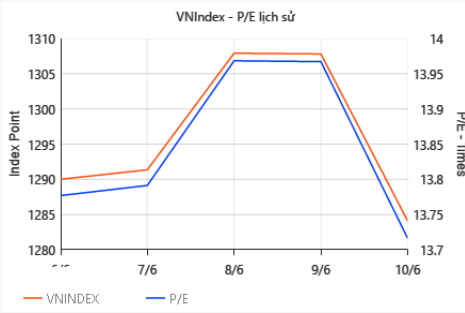


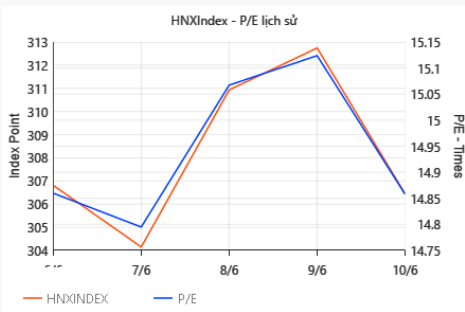


**VN-INDEX**



Điểm số	<b>1,284.08</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-0.30%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>-14.30%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	8.88%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	11.06%
P/E	13.72
P/B	2.19

**HNX -INDEX**



Điểm số	<b>306.44</b>
Tuần qua (WoW)	<b>-1.30%</b>
Từ đầu năm (YTD)	<b>-35.35%</b>
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	1.19%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	0.51%
P/E	14.86
P/B	1.73

**LẠM PHÁT MỸ CHƯA THỂ HẠ NHIỆT NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC**

Nhìn vào chỉ số VN-Index hiện tại chúng ta có thể thấy tâm lý thị trường đang chuyển dần sang thận trọng – kém lạc quan trong ngắn hạn, dù vậy cũng không nên quá vội vàng bi quan hay hoảng loạn. Tính đến hiện tại chúng tôi vẫn cho rằng vùng đáy đã được xác lập trong nhịp giảm trước và diễn biến điều chỉnh và suy yếu trong ngắn hạn là hoàn toàn bình thường sau một xu hướng giảm sâu trước đó.

Xét về yếu tố kỹ thuật trong ngắn hạn, thị trường chung đã hồi đủ biên độ trong ngắn hạn hay nói cách khác là gặp một số ngưỡng kháng cự khá mạnh. Điều này cũng đúng khi nhìn vào một số cổ phiếu, nhóm ngành dẫn dắt tăng mạnh trong thời gian vừa qua. Do vậy, dù vẫn đang ở trong vùng định giá rất hấp dẫn xét trong dài hạn, chúng ta sẽ phải lường trước những nhịp điều chỉnh sâu để kiểm định lại vùng hỗ trợ 1,150-1,200 khi xét đến vị thế hiện tại của thị trường chưa xác nhận thoát khỏi xu hướng điều chỉnh, bối cảnh thị trường thế giới nhất là tại Mỹ và Châu Âu. Lạm phát cao và kéo dài tại đây khiến thị trường tài chính toàn cầu lo ngại về các biện pháp siết chặt chính sách tiền tệ mạnh tay hơn nữa từ FED và ECB và từ đó đe dọa suy giảm tăng trưởng toàn cầu nói chung và một nền kinh tế có độ mở lớn như Việt Nam nói riêng.

**CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH**

Thị trường đã có tuần giảm sau ba tuần tăng liên tiếp, rủi ro ngắn hạn như đề cập trong nhận định tuần liền trước đã trở thành hiện thực. Tiếp tục giữ nguyên chiến lược đã đề cập: hạn chế các vị thế ngắn hạn, sẵn sàng giải ngân từng phần một cách hợp lý và không quá vội vàng với các vị thế trung dài hạn.

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ**

**Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.**

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**

**Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	62.7%		-24.2%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	70.0%		-27.6%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		22.6%	208.3%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	41.7%		-18.4%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	3.9%		28.1%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		93.8%	400.6%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	46.6%		-8.8%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	10.6%		21.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		38.0%	58.3%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		70.5%	91.3%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	15.5%		40.0%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		25.3%	119.8%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	18.5%		117.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	23.4%		3.0%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		16.2%	50.2%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		43.7%	136.7%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	29.7%		-6.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	14.6%		26.6%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**

**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-41.7%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	26.9%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-8.4%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	47.2%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	8.6%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-1.1%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	53.8%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	97.0%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-11.5%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-12.0%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	3.3%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-30.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	88.2%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-29.1%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	40.1%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	57.1%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	4.3%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	22.0%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-23.0%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	1.9%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	38.8%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	14.3%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	7.3%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	95.2%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	42.2%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	91.4%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-6.4%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-3.4%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	57.9%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	100.5%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	0.5%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	112.9%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	107.3%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	116.2%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	184.0%



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tiếp tục có 1 tuần giảm nhẹ dù biến động trong tuần đã mạnh hơn nhiều so với tuần liền trước. Đóng cửa tuần giao dịch VN-Index giảm 0.3%, HNX-Index giảm 1.3%. Nhóm vốn hóa nhỏ trong rổ VNSmallcap là nhóm giảm mạnh nhất tuần với 1.4%. Mã lấy điểm của thị trường đáng kể nhất trong tuần là GAS (-4.4% w-o-w).

Nhìn vào diễn biến nhóm ngành, các cổ phiếu hóa chất dẫn đầu đà tăng trong tuần qua. Các phân ngành nhỏ trong nhóm này đều có mức tăng trưởng tốt gồm Hóa chất cơ bản như DGC +10.34% , thuốc bảo vệ thực vật như LTG +8.7%. Mặc dù vậy các nhóm này đều không khỏi chịu áp lực điều chỉnh sâu trong ngày cuối tuần.

Diễn biến khá tích cực là dòng tiền khối ngoại duy trì mua ròng với giá trị đáng kể, không chỉ tham gia vào đầu tư thụ động theo chỉ số thông qua ETF Diamond mà còn vào nhiều cổ vốn hóa lớn khác như DPM, DCM, MSN. Nhóm tự doanh trong tuần qua lại có vị thế bán ròng khá mạnh dù không tập trung vào một nhóm cổ phiếu cụ thể.

Trên bình diện quốc tế, các thị trường toàn cầu trừ Trung Quốc nhìn chung cũng không giao dịch tích cực. Tại Mỹ, việc lạm phát vẫn lập đỉnh mới đã dập đi những kỳ vọng gần đây về việc hạ nhiệt của giá cả, thị trường đã ngay lập tức phản ánh lo ngại việc FED sẽ phải thắt chặt chính sách tiền tệ với tốc độ nhanh hơn, câu chuyện cũng tương tự đối với ECB tại Châu Âu.

Với nhiều lo ngại như vậy, Ngân hàng Thế giới đã cắt giảm triển vọng tăng trưởng toàn cầu xuống 2.9% từ mức 4.1% hồi tháng 1. OECD cũng hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống 3% từ mức 4.5% trước đó và đưa ra dự báo lạm phát tại các nước thành viên sẽ ở mức 8.5% năm nay và hạ nhiệt trong năm tới xuống còn 6.5%.





(Đồ thị ngày của VNIndex)

### Nhận định

VNINDEX có tuần giảm 0.3%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu một chút và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần cao hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Thị trường có ngày thứ hai tăng nhẹ nhưng diễn biến tâm lý về cuối ngày lại là suy yếu dần, điều này được tiếp nối trong buổi sáng ngày thứ ba nhưng sau đó lực mua giá thấp hỗ trợ đẩy vào thị trường đã giúp VNIndex bật tăng tích cực. Dù vậy thì lực mua không đủ hưng phấn để đẩy thị trường đi lên quá cao và trong ngày thứ tư đã có những dấu hiệu suy yếu ở vùng điểm cao. Sự cạn kiệt của dòng tiền theo chiều mua thể hiện rõ trong ngày thứ năm khi biên độ dao động hẹp, khối lượng giao dịch thấp và đóng cửa thấp hơn mở cửa. Đến ngày thứ sáu cuối tuần thì áp lực bán đã áp đảo dần về cuối ngày và khiến VNIndex có tuần giảm điểm sau khi rơi khỏi mức đóng cửa của tuần liền trước.

Với sự suy yếu của lực mua cũng như sự mạnh lên của lực bán thì tương quan cung cầu trên thị trường đang có sự thay đổi, và sẽ không quá bất ngờ nếu thị trường đã tạo đỉnh ngắn hạn và quay trở lại kiểm định vùng đáy 1,200.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

#### Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

#### Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

### 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

#### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



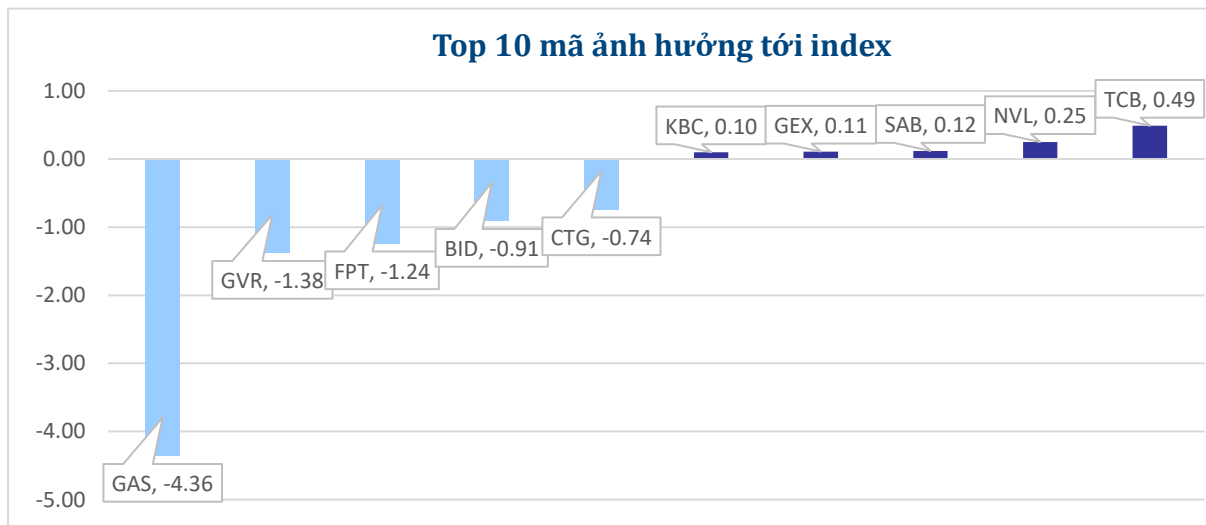
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC**  
**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,284.08	-1.81%	-23.72	603.29	16,957.2	85	37	375
Vn30 - Index	1,325.69	-1.28%	-17.23	153.03	6,008.3	4	1	25
Vn - Mid	1,744.63	-2.50%	-44.70	240.96	7,528.8	10	1	59
VN - Small	1,657.37	-2.92%	-49.93	104.46	2,523.4	38	13	160
HNX - Index	306.44	-2.01%	-6.30	86.92	2,088.0	59	35	250
Upcom - Index	93.72	-1.24%	-1.17	86.25	1,657.5	139	84	240

**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	16,957.20	33.73%	603.29	29.56%
HNX	2,088.00	-2.46%	86.92	14.22%

**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

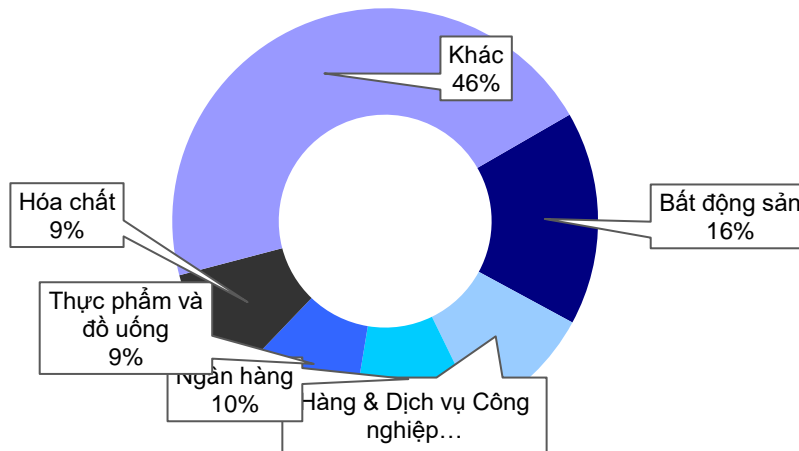


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
POW	26.98	PVS	611.5	ITA	244%	ITA	2.9%	HAH	-7.0%
GEX	21.40	GEX	522.4	KBC	203%	GEX	2.1%	VHC	-7.0%
PVS	19.67	HPG	515.4	GEX	193%	HT1	1.7%	DCM	-7.0%
ITA	19.22	DGC	455.9	DGC	176%	KBC	1.6%	GAS	-7.0%
STB	17.45	SSI	446.0	TCB	168%	TCB	1.5%	DPM	-6.9%

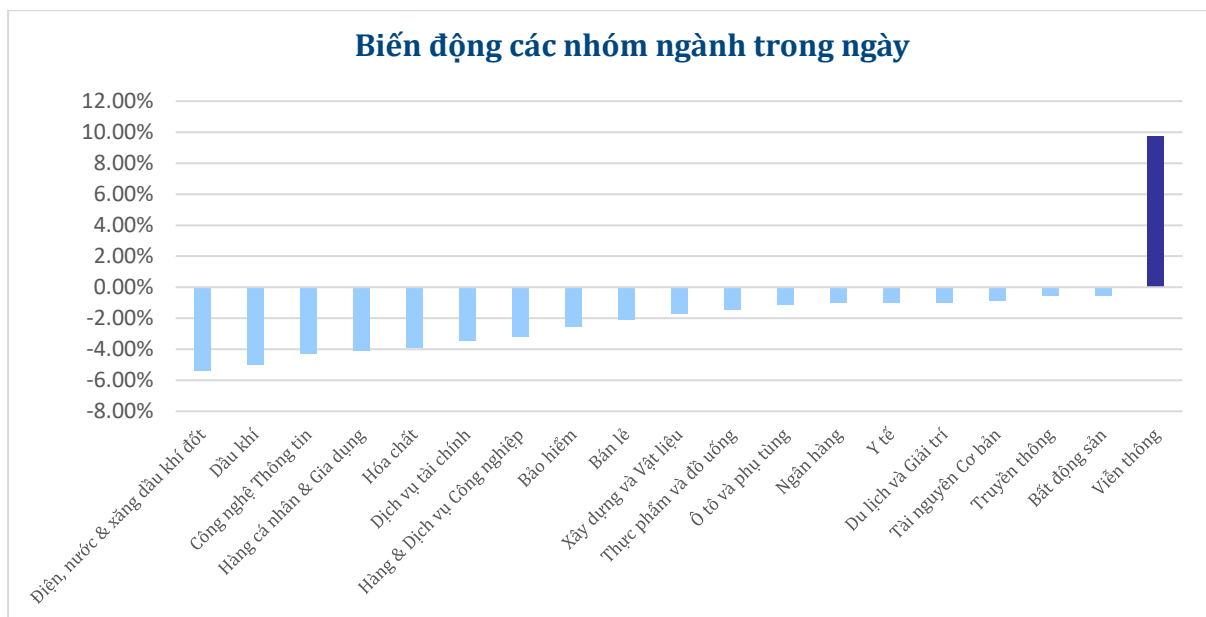


## NHÓM NGÀNH

### Thanh khoản ngành trong ngày



### Biến động các nhóm ngành trong ngày



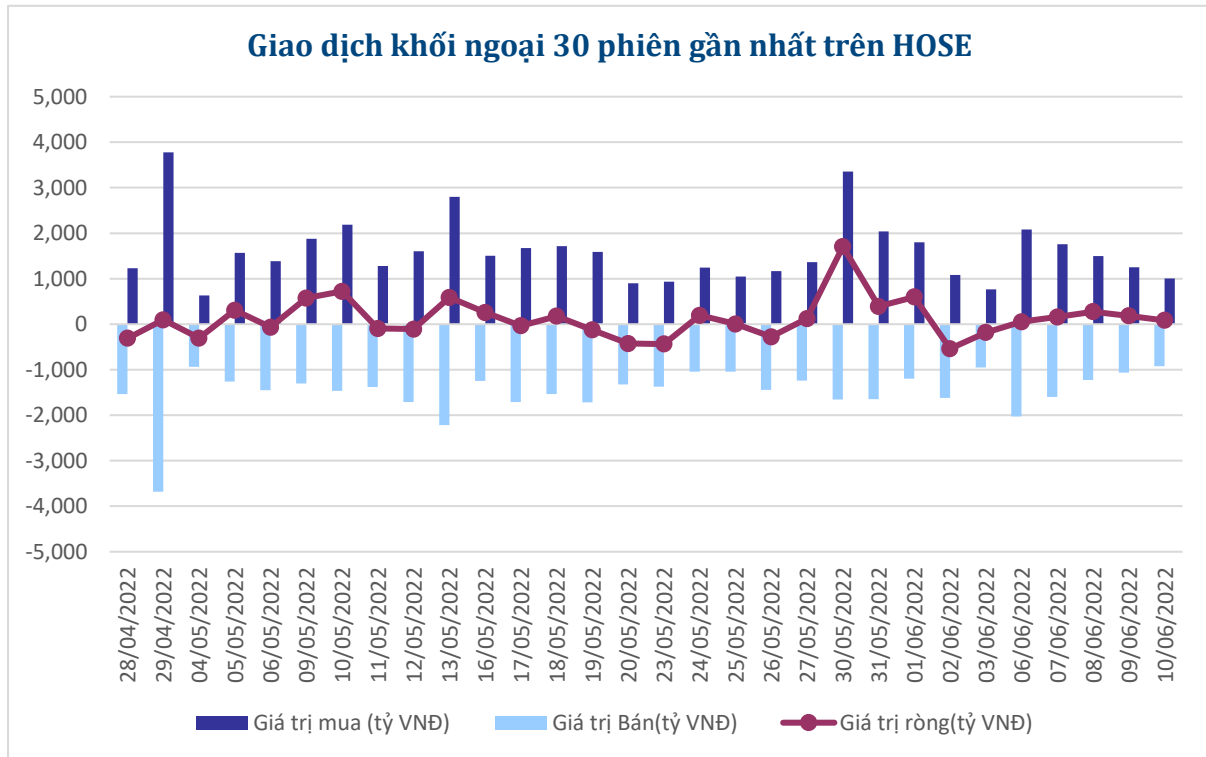




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

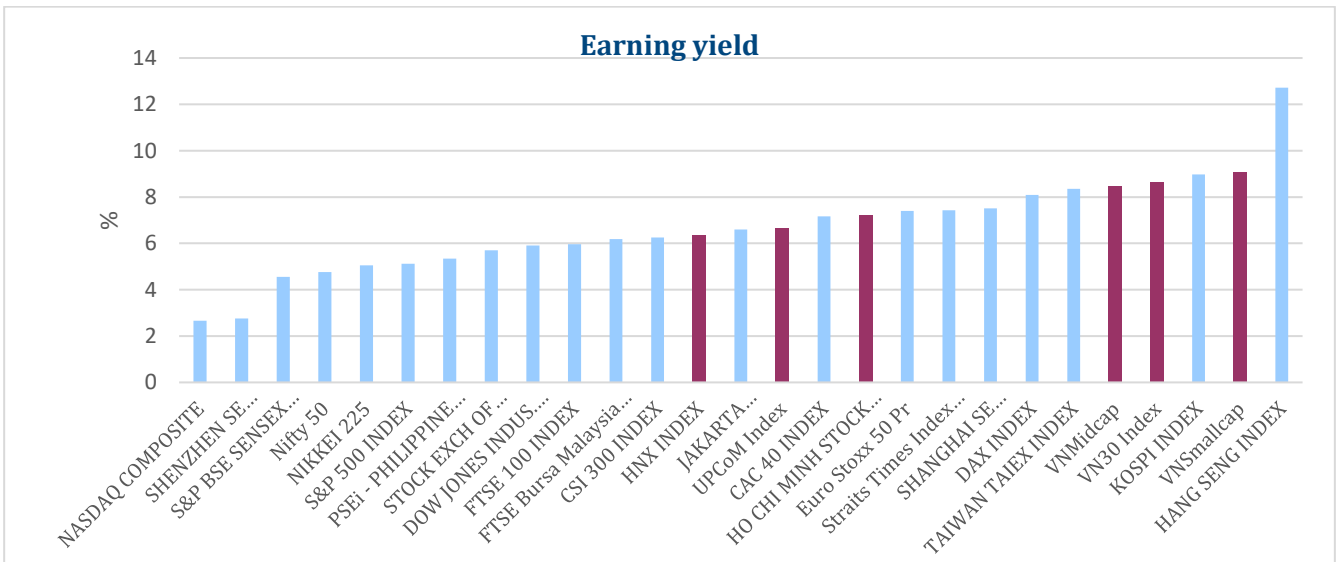
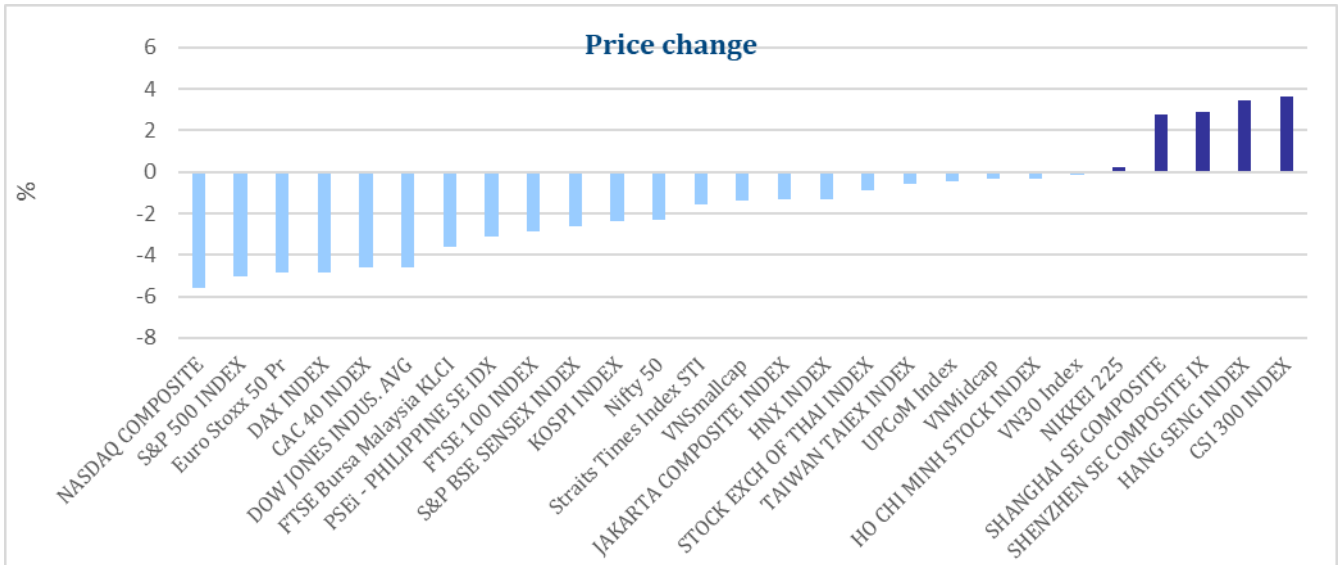
Trên HOSE bán ròng 182.55 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 696.31 triệu đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
<b>STB</b>	64.29	<b>E1VFN30</b>	34.87
<b>HDB</b>	40.71	<b>CTG</b>	32.85
<b>DGC</b>	36.81	<b>GAS</b>	23.50
<b>GMD</b>	32.59	<b>VNM</b>	22.38
<b>MSN</b>	28.37	<b>PVD</b>	22.17

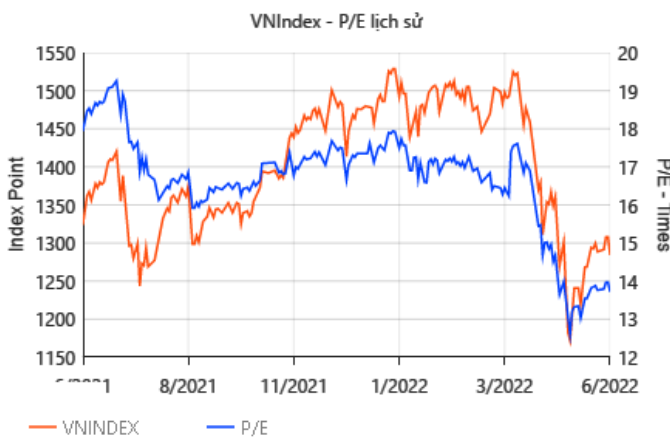




**BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN**

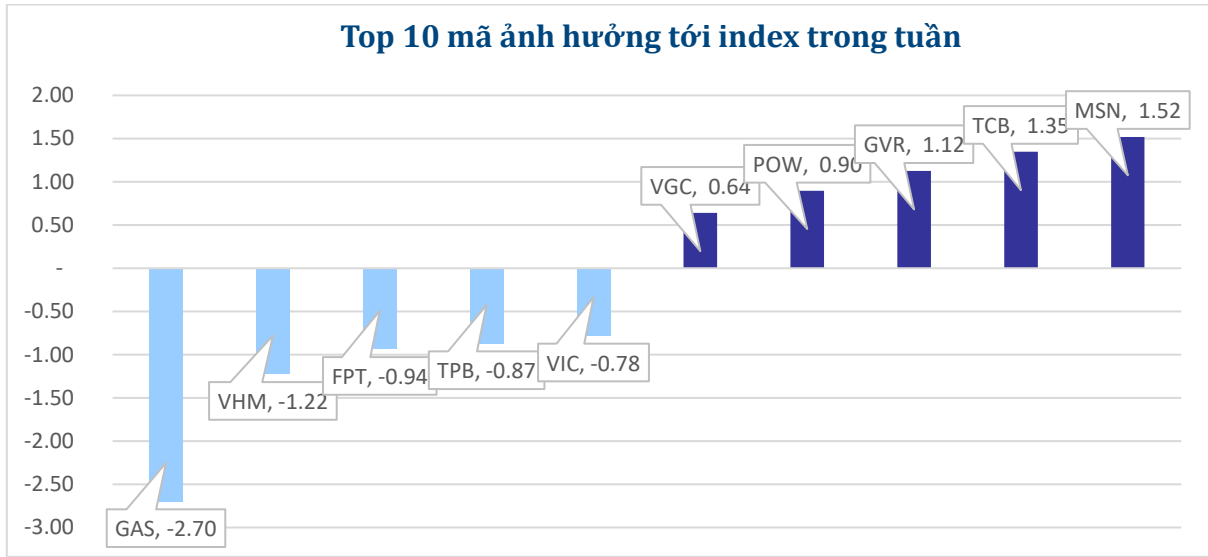


**ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)**



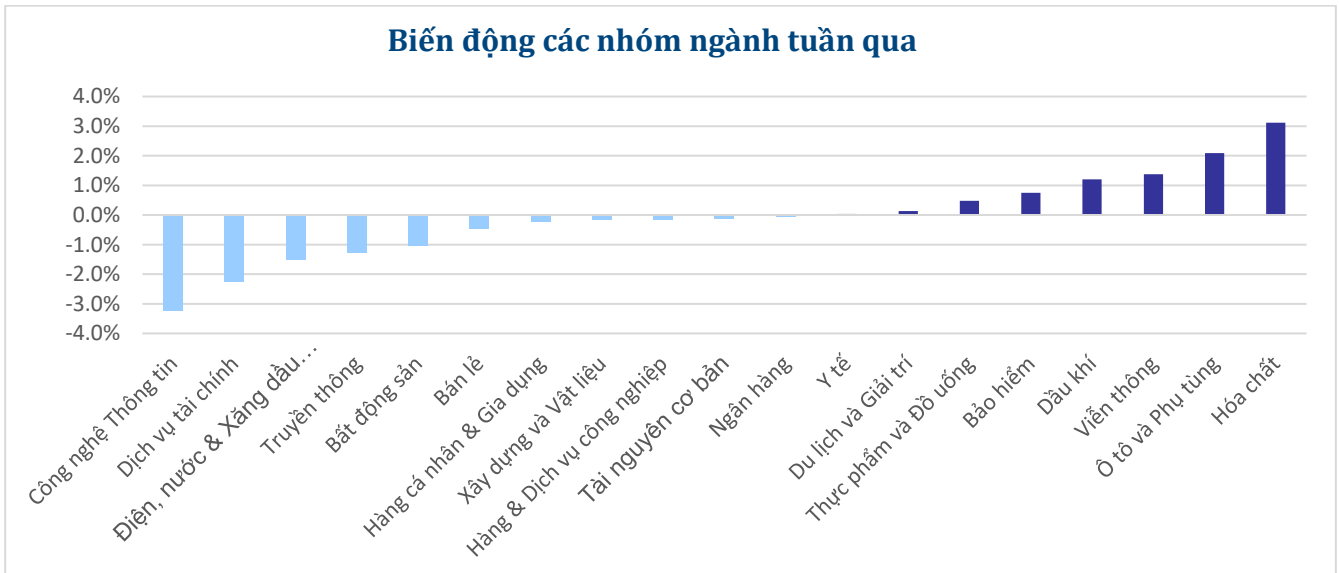


**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA**



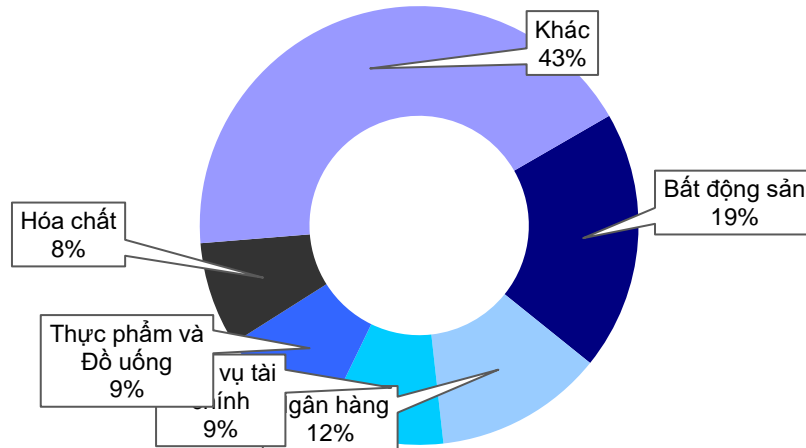
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
<b>POW</b>	27.8	<b>BSR</b>	804.4	<b>NT2</b>	3.35x	<b>SBS</b>	29.2%	<b>DRH</b>	-15.2%
<b>BSR</b>	26.1	<b>HPG</b>	698.4	<b>DBD</b>	2.89x	<b>YEG</b>	15.9%	<b>HBC</b>	-11.8%
<b>HPG</b>	20.8	<b>PVS</b>	469.8	<b>VSH</b>	2.77x	<b>MPC</b>	15.3%	<b>ROS</b>	-11.8%
<b>STB</b>	15.8	<b>POW</b>	415.1	<b>BSR</b>	2.75x	<b>VGC</b>	13.5%	<b>SJF</b>	-11.7%
<b>PVS</b>	14.7	<b>DPM</b>	407.2	<b>GAS</b>	2.24x	<b>NT2</b>	12.8%	<b>CEO</b>	-11.0%

**NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN**





### Đóng góp thanh khoản trong tuần

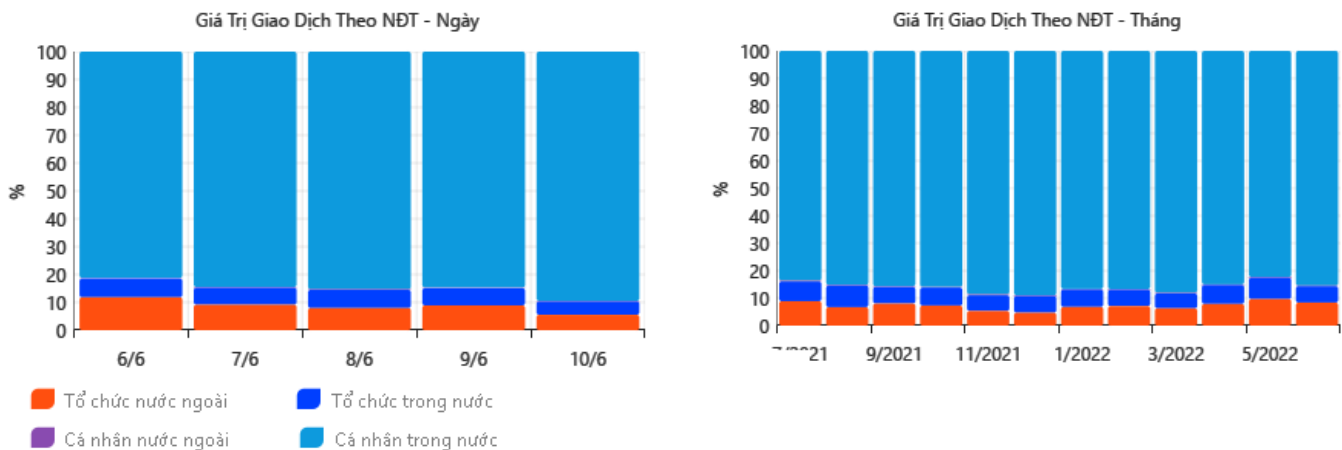


### DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

#### GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	0.60%	5,772.2	FPT	-3.51%	1,653.2
POW	11.11%	3,959.6	FUEVFNVD	-0.35%	1,408.4
SSI	-4.79%	3,752.8	HPG	0.60%	1,276.8
DPM	-2.50%	3,242.8	DPM	-2.50%	996.1
STB	3.55%	3,161.0	MSN	3.72%	996.1

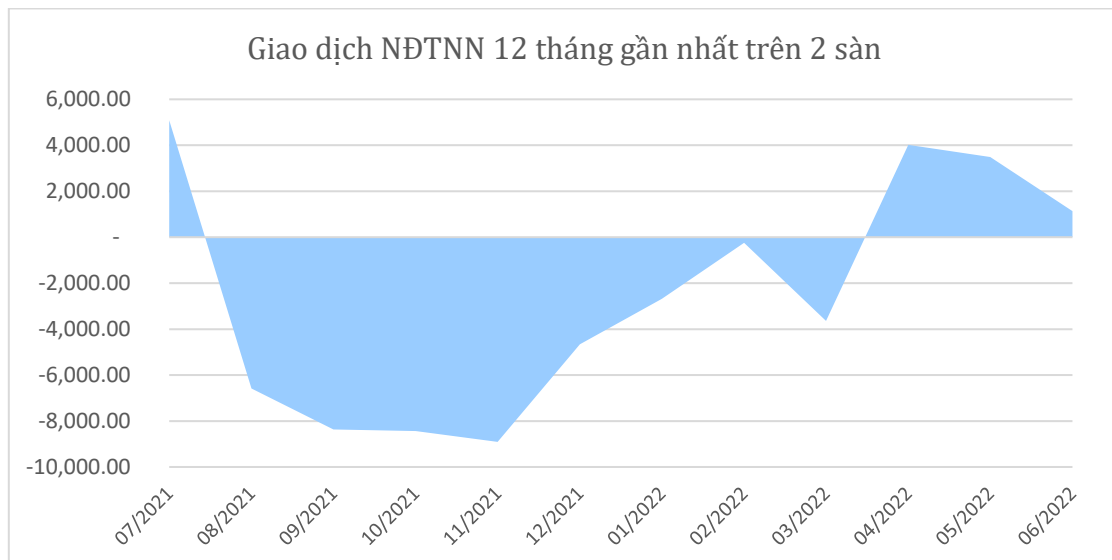
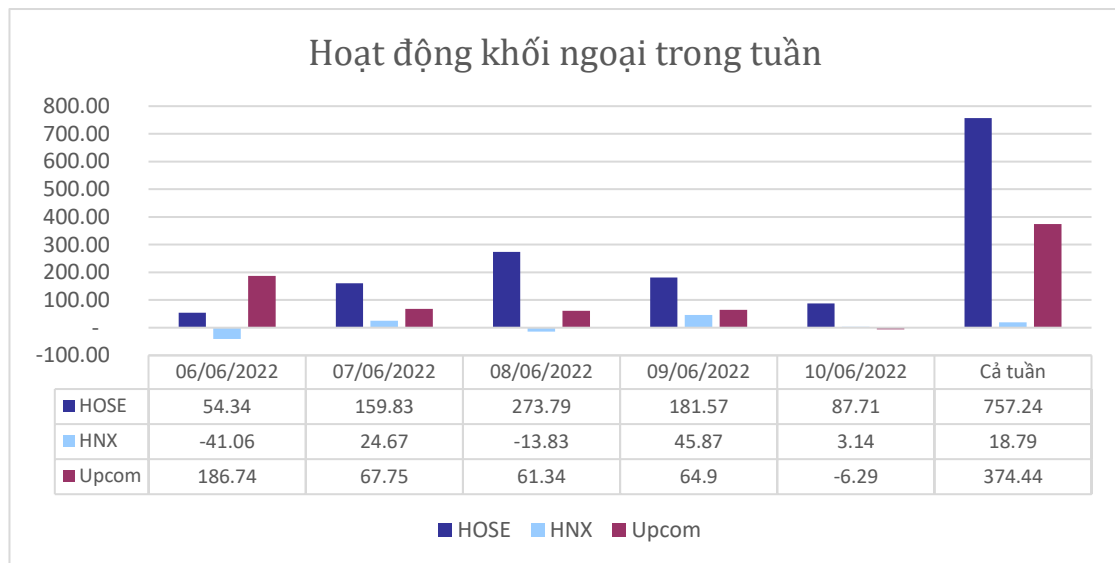
#### Tỷ trọng giao dịch





**KHỐI NGOẠI**

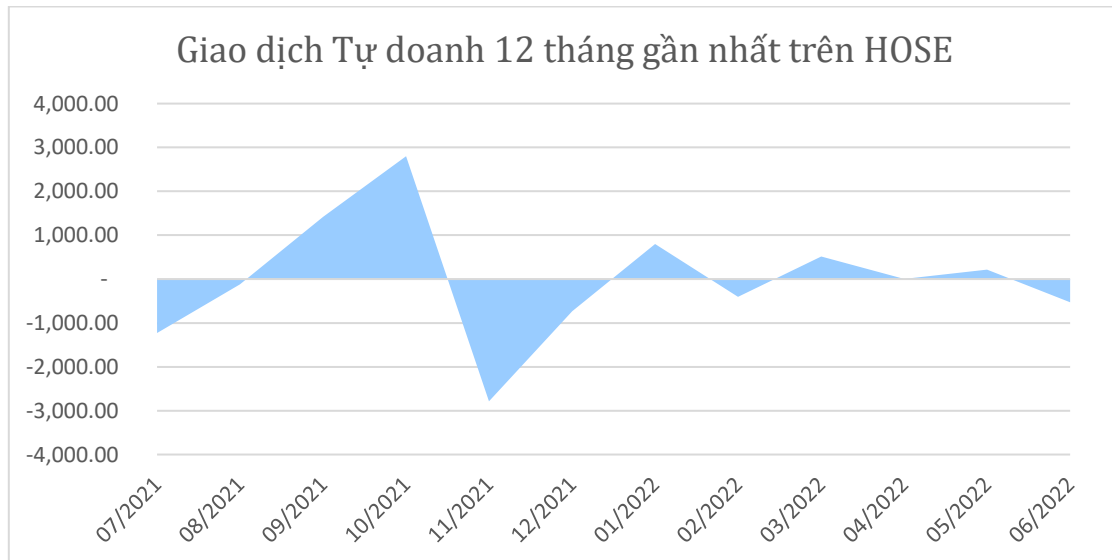
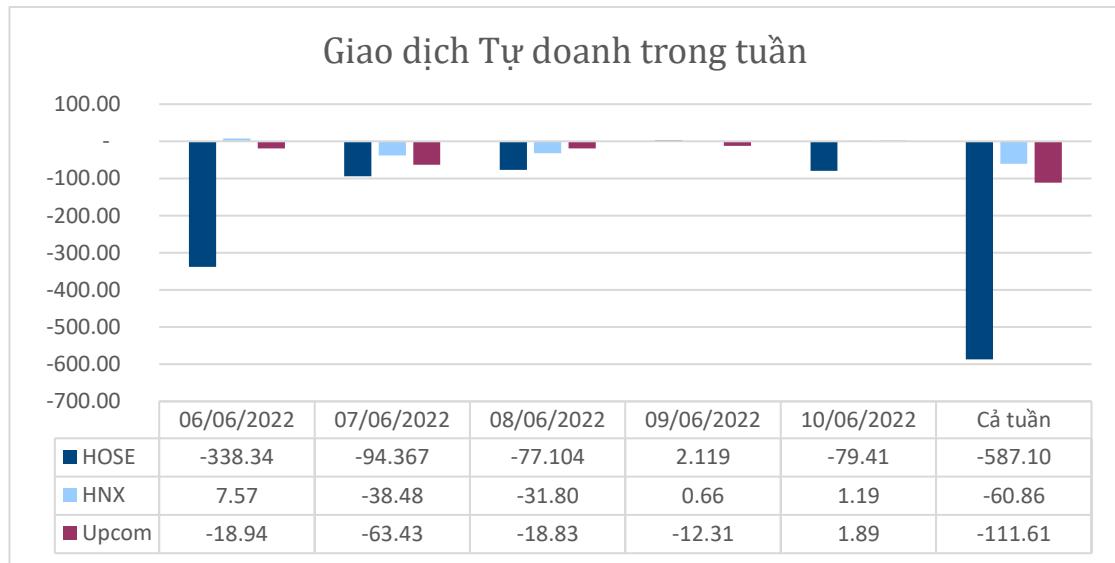
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFNVD	-0.35%	478.05	HPG	0.60%	262.36
DPM	-2.50%	372.43	VNM	-1.14%	114.52
MSN	3.72%	244.52	NVL	-0.65%	111.28
PNJ	-2.03%	167.52	E1VFN30	1.36%	101.79
DCM	-3.07%	132.57	VIC	-1.02%	98.57





**KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

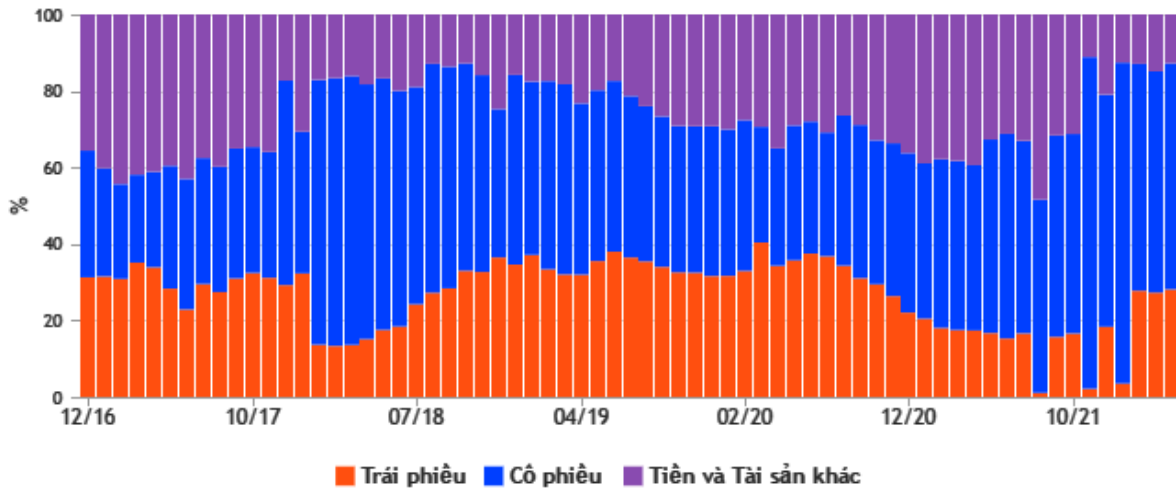
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
IJC	10.90%	81.85	HDG	-4.06%	67.78
GAS	12.91%	73.26	EIB	-7.62%	62.89
DCM	15.30%	57.66	PNJ	0.74%	61.93
DXG	-8.42%	33.86	HPG	-5.78%	43.90
REE	3.79%	33.03	CTR	0.61%	41.32



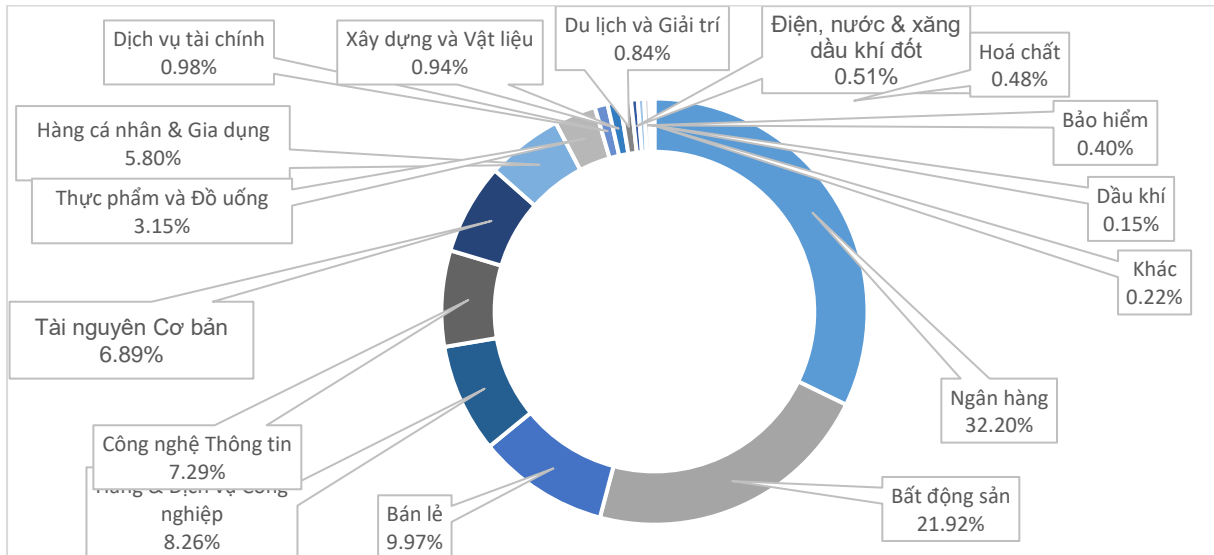


**TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)**

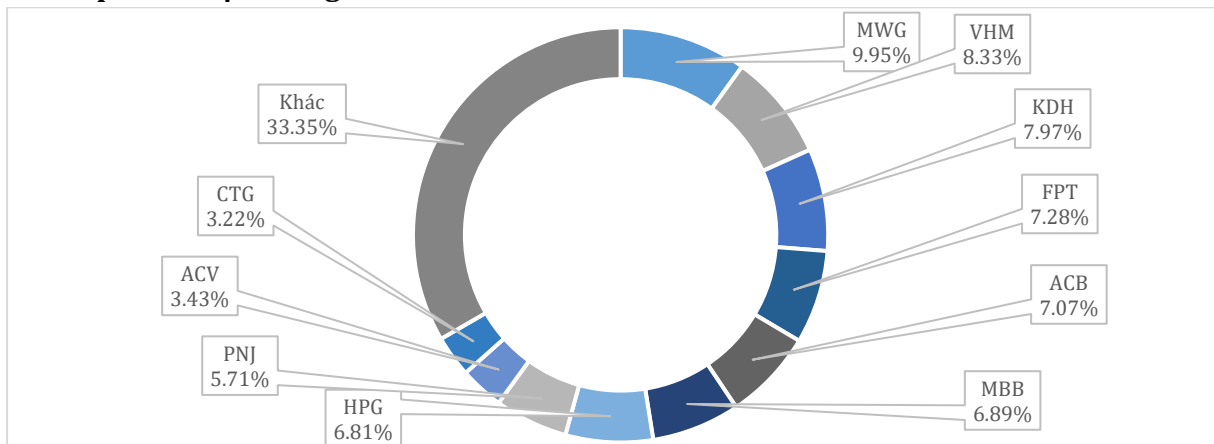
**Phân bổ tài sản**



**Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành**



**Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất**





**LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI**

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
DTK	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	13/06/22	14/06/22	28/06/22
ACG	Upcom	Giao dịch 48.195.778 cổ phiếu niêm yết bổ sung	13/06/22	13/06/22	13/06/22
VIN	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)	13/06/22	14/06/22	24/06/22
DNA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/06/22	14/06/22	13/06/22
SIC	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	13/06/22	14/06/22	13/06/22
FPT	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 bằng tiền (1.000 đ/cp) và cổ phiếu (tỷ lệ 5:1)	13/06/22	14/06/22	27/06/22
GMC	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 (2.000 đ/cp)	13/06/22	14/06/22	24/06/22
FIT	HSX	Giao dịch 26.272.393 cp niêm yết bổ sung			13/06/22
PHP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400 đ/cp)	13/06/22	14/06/22	30/06/22
TKG	Upcom	Giao dịch 1.222.312 cổ phiếu niêm yết bổ sung	13/06/22	13/06/22	13/06/22
HEP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (879đ/cp)	13/06/22	14/06/22	28/06/22
VCW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	14/06/22	15/06/22	29/06/22
VSI	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (2.000 đ/cp)	14/06/22	15/06/22	27/06/22
CAP	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (5.000 đ/cp), trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 10:5)	14/06/22	15/06/22	29/06/22
NBC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600 đ/cp)	14/06/22	15/06/22	10/08/22
NTH	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	14/06/22	15/06/22	30/06/22
MTP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	14/06/22	15/06/22	14/06/22
BCF	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:10)	14/06/22	15/06/22	14/06/22
MEC	Upcom	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/06/22	15/06/22	14/06/22
BLT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (10.280đ/cp)	14/06/22	15/06/22	30/06/22
JVC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	14/06/22	15/06/22	14/06/22
BSD	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	14/06/22	15/06/22	15/07/22
HAT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	14/06/22	15/06/22	15/07/22
CDG	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	14/06/22	15/06/22	15/07/22
TTG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/06/22	15/06/22	14/06/22
NDC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	14/06/22	15/06/22	06/07/22
CDH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500đ/cp)	14/06/22	15/06/22	27/06/22
MVB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.600 đ/cp)	14/06/22	15/06/22	22/06/22
NQT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (469đ/cp)	14/06/22	15/06/22	24/06/22
VXT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	14/06/22	15/06/22	22/06/22
SKH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.455đ/cp)	15/06/22	16/06/22	30/06/22
DPG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	15/06/22	16/06/22	06/07/22
NAG	HNX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	15/06/22	16/06/22	15/06/22
CEN	Upcom	Bán ưu đãi (tỷ lệ 10:9)	15/06/22	16/06/22	15/06/22
NAW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	15/06/22	16/06/22	15/06/22
PTX	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	15/06/22	16/06/22	30/06/22
VIM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000đ/cp)	15/06/22	16/06/22	28/06/22
RCL	HNX	ĐHĐCĐ bất thường năm 2022, trả cổ tức bằng cp (tỷ lệ 100:10)	15/06/22	16/06/22	15/06/22
CMG	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	15/06/22	16/06/22	15/06/22
MAC	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/06/22	16/06/22	15/06/22
VND	HSX	Giao dịch 782.899.322 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			15/06/22





MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CPC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.800 đ/cp)	15/06/22	16/06/22	07/07/22
HDA	HNX	Giao dịch đầu tiên 11.500.000 cổ phiếu niêm yết bổ sung			15/06/22
PTS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800 đ/cp)	16/06/22	17/06/22	28/06/22
CVN	HNX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 2:1)	16/06/22	17/06/22	16/06/22
CLC	HSX	Trả cổ tức đợt cuối năm 2021 (2.500 đ/cp)	16/06/22	17/06/22	30/06/22
IPA	HNX	Thưởng cp (tỷ lệ 10:2)	16/06/22	17/06/22	16/06/22
DDN	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	16/06/22	17/06/22	16/06/22
SAL	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	16/06/22	17/06/22	30/06/22
VAV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.250đ/cp)	16/06/22	17/06/22	28/06/22
TN1	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 bằng tiền (500 đ/cp) và bằng cp (tỷ lệ 100:25)	16/06/22	17/06/22	30/06/22
HC3	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	16/06/22	17/06/22	05/07/22
APP	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16/06/22	17/06/22	16/06/22
TTZ	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	16/06/22	17/06/22	16/06/22
NS2	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.460đ/cp)	16/06/22	17/06/22	12/07/22
SSB	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:12.7364), thưởng cp (tỷ lệ 100:6.6092)	16/06/22	17/06/22	16/06/22
PVD	HSX	Giao dịch 84.221.021 cp niêm yết bổ sung		07/06/22	16/06/22
NHV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp), trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 70%)	16/06/22	17/06/22	29/06/22
PND	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	16/06/22	17/06/22	16/06/22
MWG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 1:1)	16/06/22	17/06/22	16/06/22
HPG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (500 đ/cp), bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:3)	17/06/22	20/06/22	17/06/22
CTR	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (1.000 đ/cp) và cổ phiếu (tỷ lệ 1.000:231)	17/06/22	20/06/22	30/06/22
BFC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	30/06/22
MEG	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	17/06/22	17/06/22	17/06/22
GMX	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (850 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	30/06/22
PXC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	17/06/22	20/06/22	17/06/22
HAP	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (400 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	29/07/22
PTC	HSX	Giao dịch 14.307.325 cp niêm yết bổ sung			17/06/22
NBW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	15/07/22
HVT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	06/07/22
VCA	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	17/06/22	20/06/22	28/06/22



### XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

### XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

### KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	701
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	702
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungth@gtjas.com.vn">nhungth@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	222
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Trần Thị Diệu Khánh</b>	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	<a href="mailto:khanhttd@gtjas.com.vn">khanhttd@gtjas.com.vn</a>	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:info@gtjas.com.vn">info@gtjas.com.vn</a> Website: <a href="http://www.gtjai.com.vn">www.gtjai.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696